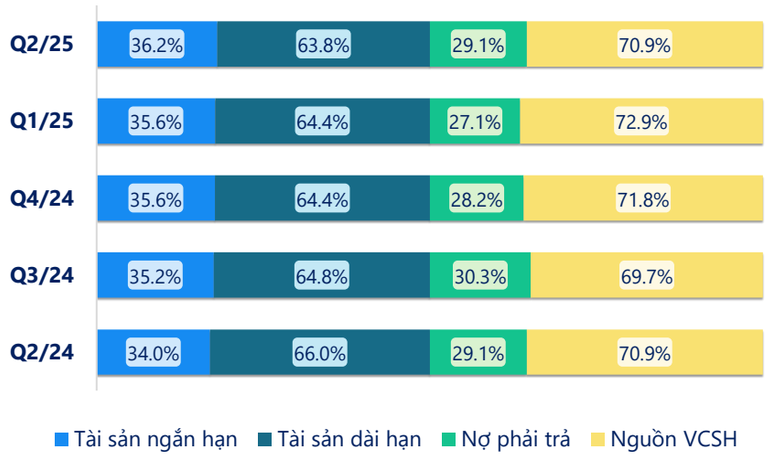
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (UPCOM: PRT)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,495
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,572
SL cổ phiếu LH	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,315
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,090
P/E	185.9
EPS	55

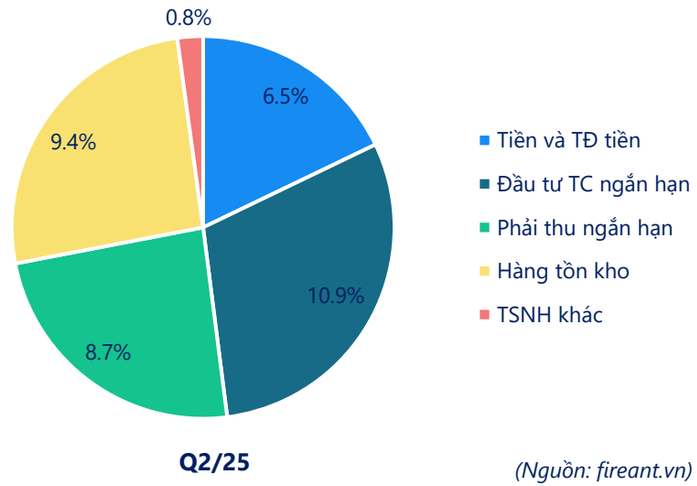
	YTD	1T	3T	6T
PRT	11.3%	5.7%	-0.3%	10.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



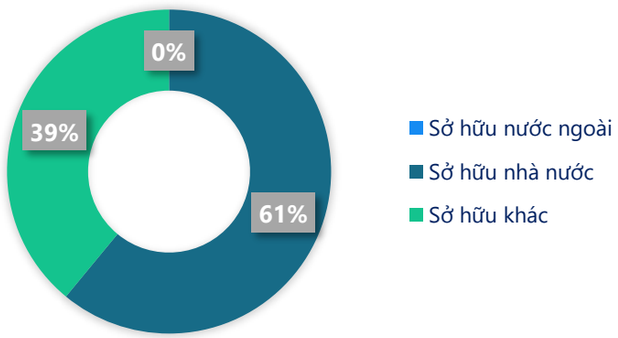
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



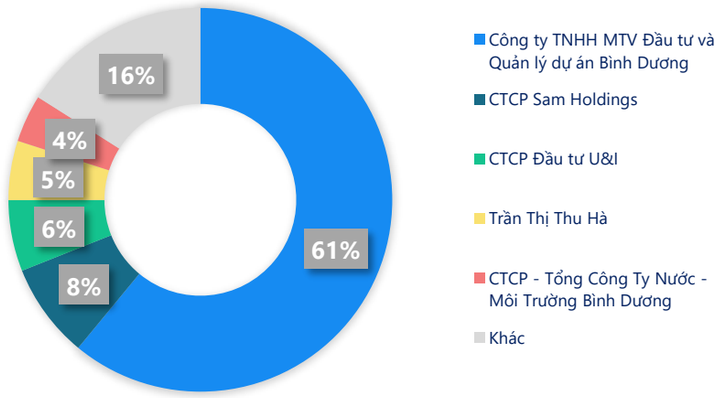
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



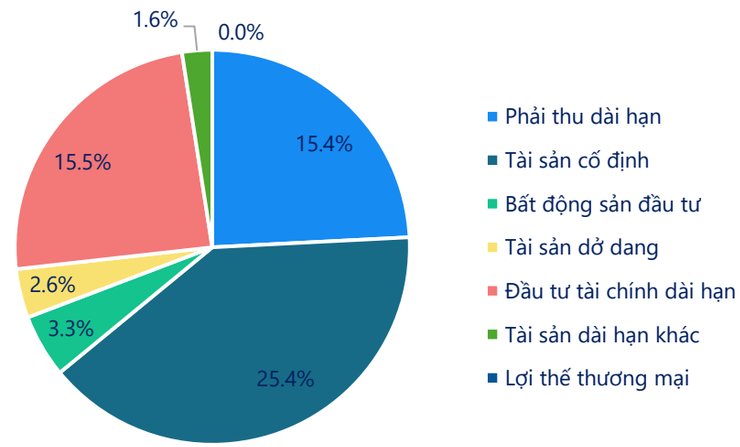
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

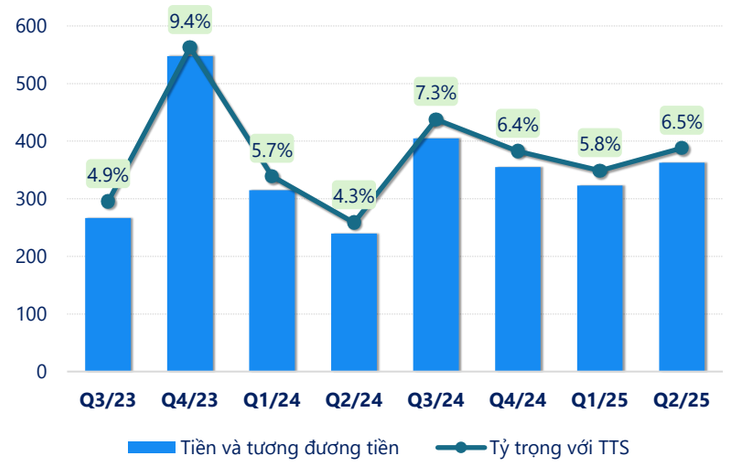


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

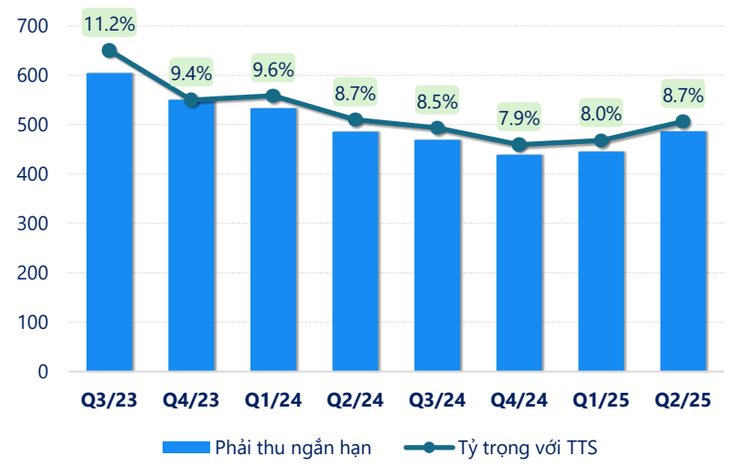
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (UPCOM: PRT)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



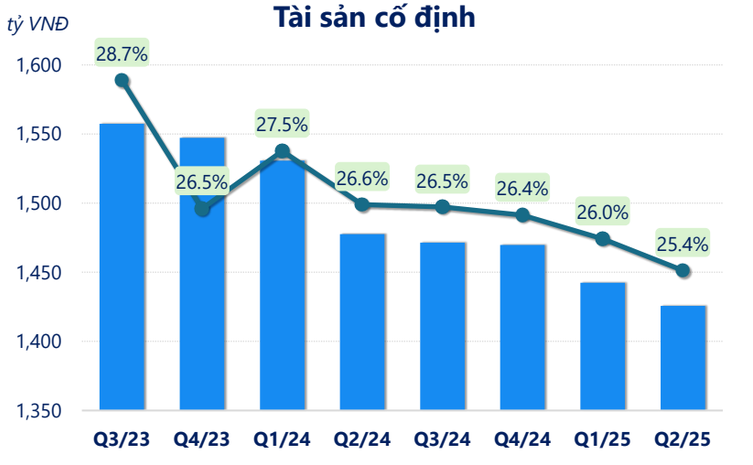
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



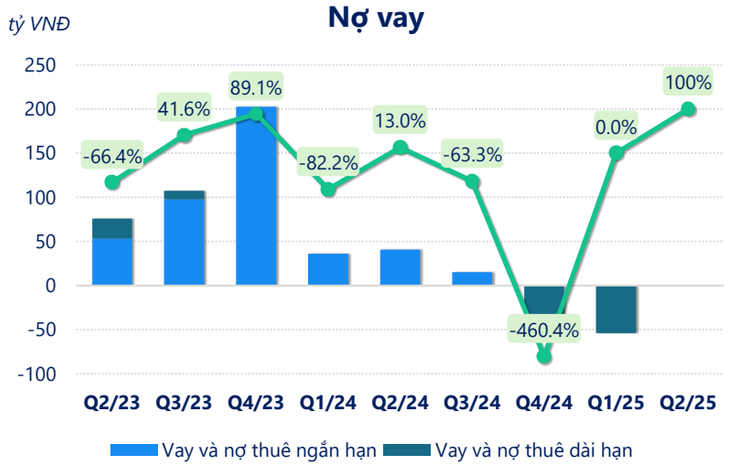
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



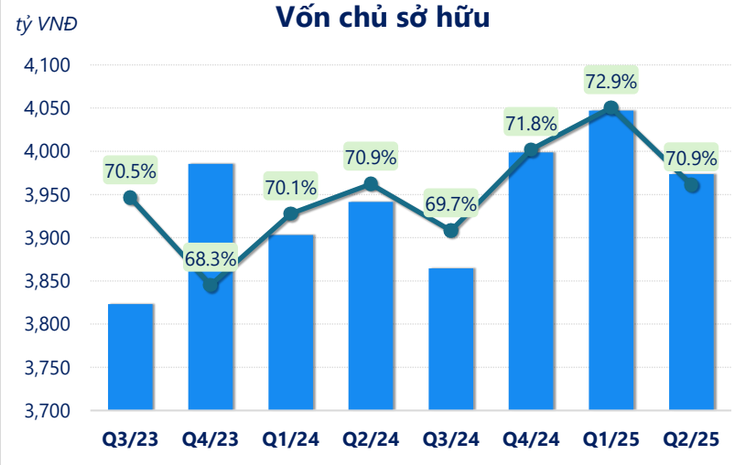
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

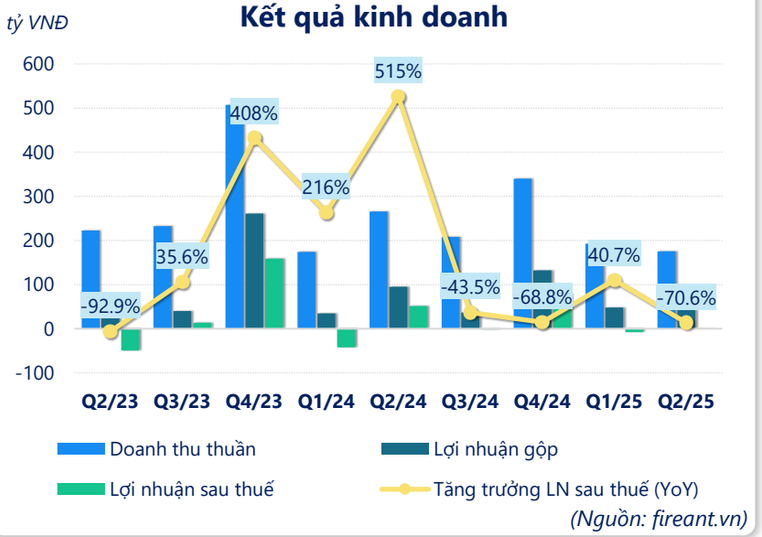


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

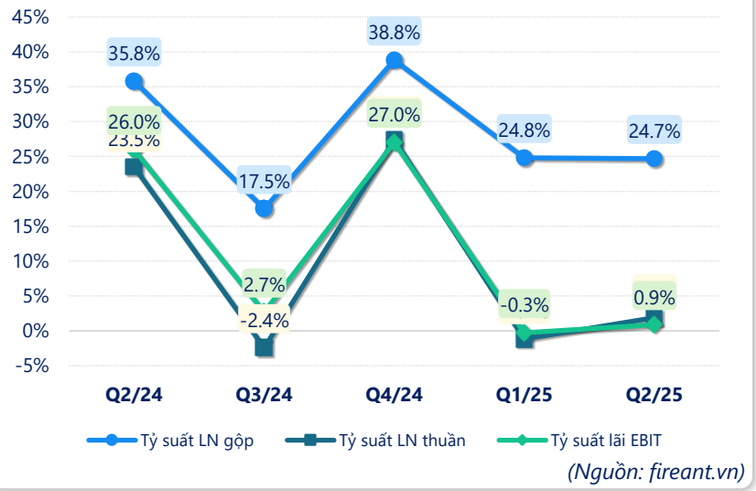
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (UPCOM: PRT)

Kết quả kinh doanh



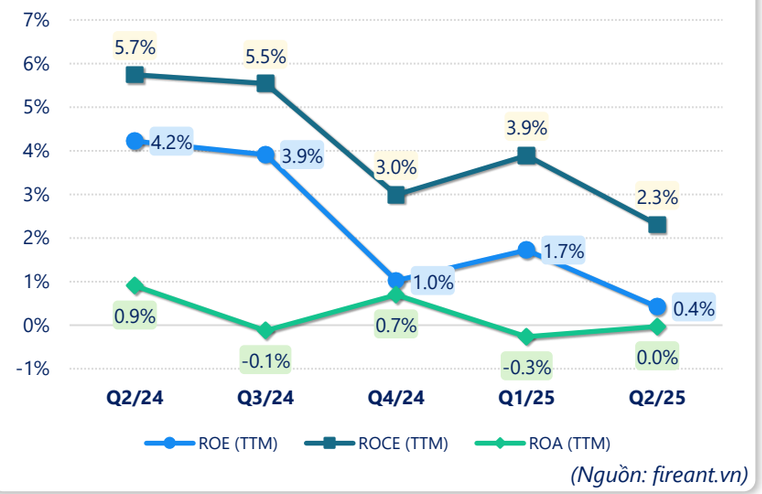
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



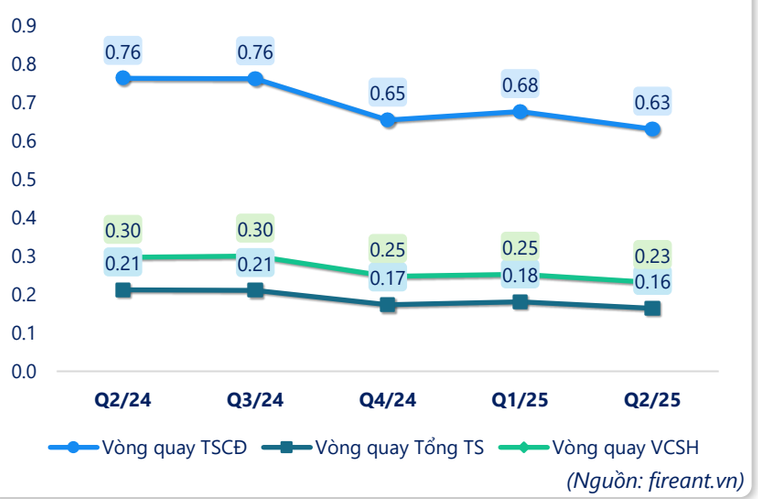
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



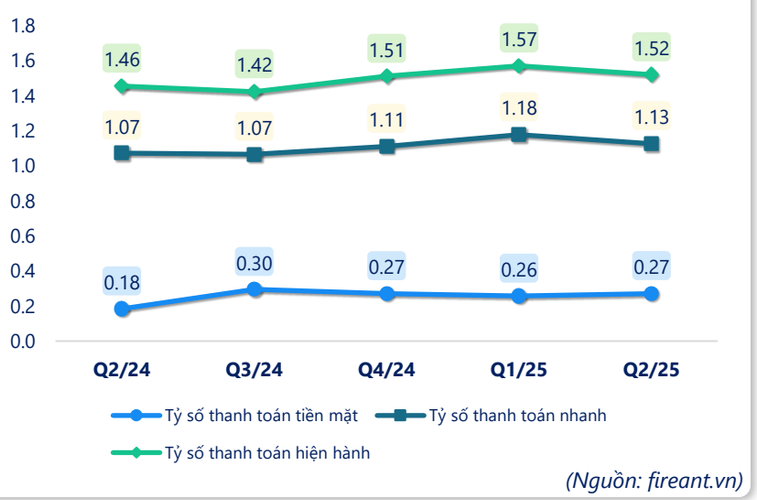
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



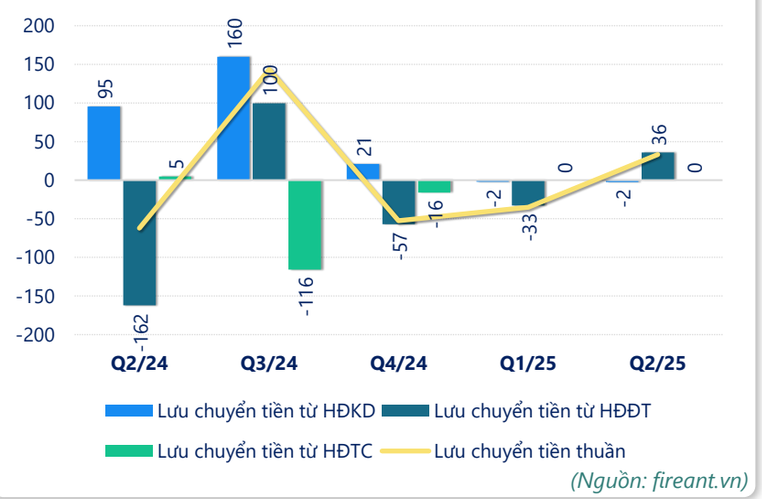
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (UPCOM: PRT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,606**	**5,572**	**0.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,029	1,958	3.6%
Tiền và tương đương tiền	362	355	2.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	611	622	-1.8%
Phải thu ngắn hạn	487	442	10.1%
Hàng tồn kho	525	498	5.4%
Tài sản ngắn hạn khác	43.8	40.5	8.2%
Tài sản dài hạn	**3,578**	**3,614**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	865	901	-3.9%
Tài sản cố định	1,426	1,469	-3.0%
Bất động sản đầu tư	185	187	-0.8%
Tài sản dở dang	143	131	9.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	870	833	4.4%
Tài sản dài hạn khác	**88.1**	**93.6**	**-5.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,633	1,586	2.9%
Nợ ngắn hạn	**1,334**	**1,286**	**3.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	23.4	25.4	-7.6%
Nợ dài hạn	298	300	-0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	202	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,973**	**3,985**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**3,973**	**3,985**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	3,000	3,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	265	208	340	192	175
Giá vốn hàng bán	170	172	208	145	132
Lợi nhuận gộp	95.0	36.4	132	47.8	43.3
Doanh thu HĐTC	10.2	22.8	-0.81	11.7	11.8
Chi phí TC	4.39	20.8	-17.8	1.90	4.36
Chi phí lãi vay	0.48	7.81	0.92	1.58	-1.58
LN trong công ty LKLD	0.93	13.9	32.0	3.50	17.6
Chi phí bán hàng	8.47	8.24	10.3	6.59	5.66
Chi phí QLDN	31.0	49.1	77.5	56.7	59.3
LN thuần từ HĐKD	62.4	-5.05	93.1	-2.20	3.32
Lợi nhuận khác	6.11	2.81	-2.24	0.09	-0.20
LN trước thuế	68.5	-2.24	90.9	-2.11	3.12
Lợi nhuận sau thuế	51.0	-1.48	79.2	-7.75	0.82
LNST của CĐ cty mẹ	50.0	-6.65	39.8	-14.6	-1.86

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	95.4	160	20.8	-2.24	-2.39
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-162	99.5	-57.2	-32.7	35.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.69	-116	-16.0	0	0
Tiền đầu kỳ	315	239	405	355	323
Lưu chuyển tiền thuần	**-62.2**	**143**	**-52.4**	**-35.0**	**33.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	-13.0	22.0	2.53	2.87	6.27
Tiền cuối kỳ	239	405	355	323	362

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic